TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HS-ST
Ngày: 12/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU - PHÚ YÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hoàng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Hồ Văn Xuân
2/ Ông Nguyễn Tấn Thành
- Thư ký phiên toà: Bà Quách Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Thông - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2017/HSST ngày 18 tháng 9 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/HSST-QĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngô Vĩnh P, sinh năm 1987, (tên gọi khác: P mót); Nơi sinh: KP A, phường H, thị xã C, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: KP A, phường H, thị xã C, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Khắc L, sinh năm 1965 và bà Ngô Thị Hồng T, sinh năm 1962; Vợ Nguyễn Hồng M, sinh năm 1989; Con: 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 14/3/2016, bị Công an thị xã C xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc đã chấp hành, nộp phạt xong ngày 14/3/2016.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị N, sinh năm 1969, (tên gọi khác: L); Nơi sinh: khu phố B, phường H, thị xã C, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: : khu phố B, phường H, thị xã C, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp:Bán vé số; Trình độ văn hóa: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn C (chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1932; Chồng Nguyễn Văn L, sinh năm 1966; Con: 04 người, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 31/3/2015, bị Công an phường A xử phạt số tiền 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã chấp hành, nộp phạt xong ngày 13/4/2015. Ngày 04/01/2016, bị Công an phường A xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã chấp hành nộp phạt xong ngày 05/01/2016.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

3. Võ Văn V, sinh năm 1988, (Tên gọi khác: M); Nơi sinh: thôn H, xã L, thị xã C, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: thôn H, xã L, thị xã C, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Con ông Võ Văn K, sinh năm 1957 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1961; Vợ Bùi Thị Bích H, sinh năm 1998; Con: 01 người, sinh năm 2017; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 22/3/2017, bị Công an thị xã C xử phạt số tiền 1.000.000 đồng về hành vi đánh nhau gây thương tích, đã chấp hành nộp phạt xong ngày 17/4/2017.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 16/12/2016, Nguyễn Ngô Vĩnh P gọi điện thoại di động cho Võ Văn V nhờ V ghi số lô, số đề và đưa cho V số tiền 1.000.000 đồng và 01 tờ giấy vở học sinh có ghi 11 dãy số và số tiền gồm: "30 – 71 – 15; 50 – 17 – 60; 70 – 014 - 60; 40 – 253 – 40; 30 – 697 – 20; 30 – 846 – 50; 30 – 691 – 30; 30 – 998 – 70; 35 – 764 – 60; 35 – 521 – 70, 17 – 019 – 83" theo quy ước các con số nằm giữa các dãy số là các con số đề cần ghi, số có 02 chữ số là đánh số 02 chân và số có 03 chữ số là đánh số 03 chân. Còn các con số ở đầu và cuối dãy số được quy ước là số tiền đặt cược, V đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày, V gặp bà Nguyễn Thị N (tên thường gọi là L) là chủ cái số đề, V đưa số tiền 1.000.000 đồng cho bà N và nói: "Cô cầm tiền, chiều con gọi điện thoại đánh đề" thì bà N đồng ý và nhận tiền. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, V sử dụng điện thoại di động hiệu OPPO, model A37F, màu vàng gắn số thuê bao 01693377882 rồi gọi qua số điện thoại di động hiệu Nokia gắn số thuê bao 01677882080 của bà Nguyễn Thị N để ghi số đề dựa trên kết quả xổ số của Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Gia Lai ngày 16/12/2016 cụ thể là các con số đề và số tiền đánh đề mà P ghi trong tờ tịch đề đã đưa cho V nêu trên, bà N đồng ý và ghi lại trong tờ tịch đề của mình. Sau đó bà N đã đọc lại tất cả các con số đề mà V đã ghi để kiểm tra, cuộc gọi điện thoại này đã được V ghi âm lại và lưu trong điện thoại di động của V. Đến hơn 17 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi có kết quả xổ số của Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Gia Lai ngày 16/12/2016 và giải đặc biệt là dãy số "03691", thì P và V biết đã trúng số tại dãy số trong tịch đề là "30 – 691 – 30" (được hiểu là trúng số 03 chân "691", số tiền "30" là 30.000 đồng). Với quy ước

tỷ lệ thắng thua là 01 ăn 600 lần thì P và V đã thắng đề được số tiền là 18.000.000 đồng nên P, V đến nhà bà N để lấy số tiền trúng đề, do bà N không có khả năng trả nên không thừa nhận việc có ghi số "691" dẫn đến hai bên xảy ra cãi nhau gây mất an ninh trật tự nên Công an phường H mời làm việc. Qua làm việc bà N đã thừa nhận có ghi số đề "691" cho V và phải chung số tiền là 18.000.000 đồng.

Số tiền mà các bị cáo Nguyễn Ngô Vĩnh P, Võ Văn V, Nguyễn Thị N dùng để đánh bạc là 955.000 đồng + (30.000 đồng x 600 lần) =18.955.000 đồng. Trong đó số tiền Phúc,V ghi đề là 955.000 đồng, số tiền P, V trúng số đề là 18.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 46/GĐ-PC54 ngày 24/02/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận: Chữ số viết bằng mực bút bi màu xanh trên mảnh giấy kẻ ô ly vuông vở học sinh có kích thước (8,5x12) cm, dòng đầu ghi "30-71-15", cuối mảnh giấy đề ngày 16-12-2016 có chữ ký ghi tên Nguyễn Ngô Vĩnh P (Ký hiệu A1) so với chữ số ghi bằng mực bút bi màu xanh trên 05 tờ giấy kẻ ô ly vuông vở học sinh, dòng đầu ghi "30-71-15", cuối tờ giấy đề ngày 15-02-2017 có các chữ ký ghi tên Nguyễn Ngô Vĩnh P, Bùi Khắc N, Nguyễn Thành L và Phùng Hoàng L(ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5) là chữ do cùng một người viết ra Nguyễn Ngô Vĩnh P (BL số 56 - 57).

Tại Kết luận giám định số 1123/C54-P6 ngày 29/5/2017 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Tiếng nói của người đàn ông xưng "con" trong file ghi âm mẫu cần giám định và tiếng nói của Võ Văn V trong mẫu so sánh là cùng một người; Tiếng nói của người phụ nữ được gọi là "cô" trong file ghi âm mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Thị N trong mẫu so sánh là của cùng một người (BL số 71).

Vật chứng vụ án: 01 tờ giấy vở học sinh, 01 tịch đề, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, moddel A37F màu vàng, gắn thẻ sim số 016 93377882, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, gắn thẻ sim 01677882080, số tiền 11.000.000đ.

Tại Bản cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo Nguyễn Ngô Vĩnh P, Nguyễn Thị N và Võ Văn V về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Ngô Vĩnh P, Nguyễn Thị N và Võ Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu và thừa nhận bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cầu truy tố các bị cáo Nguyễn Ngô Vĩnh P, Nguyễn Thị N và Võ Văn V về tội *"Đánh bạc"* là đúng, không oan, sai gì cho các bị cáo và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội: Bị cáo P có hành vi đưa tiền cho bị cáo V để bị cáo V đi ghi số đề, bị cáo N có hành vi làm chủ cái ghi số đề cho bị cáo V với số tiền ghi đề là 955.000đ và tiền trúng đề là 18.000.000đ, tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 18.955.000đ. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Ngô Vĩnh P, Nguyễn Thị N và Võ Văn V đã đủ yêu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 BLHS. Do đó, cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố các bị P, V, N về tội " Đánh bạc", là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên giữ nguyên quyết định truy tố tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 14 tháng 9 năm 2017. Sau khi phạm tội các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo P, bị cáo V có ông nội là người được nhà nước tặng thưởng huy chương, huân chương, bản thân bị cáo P quá trình công tác được công an tỉnh Phú Yên tặng giấy khen, chiến sĩ tiên tiến, bị cáo N có hoàn cảnh khó khăn đang nuôi con bị bệnh tim, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tiền để xử lý các bị cáo. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngô Vĩnh P, Nguyễn Thị N và Võ Văn V phạm tội " Đánh bạc: Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1,2 Điều 46, Điều 30 của Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Nguyễn Ngô Vĩnh P từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ, phạt bị cáo N từ 15.000.000đ đến 17.000.000đ, phạt bị cáo V từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, moddel A37F màu vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, số tiền 11.000.000đ, tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số 016 93377882, 01 thẻ sim số 01677882080. Buộc bị cáo Nữa nộp tiếp số tiền 7.955.000đ để sung quỹ nhà nước. Riêng 01 tờ giấy vở học sinh, 01 tờ tịch đề là chứng cứ của vụ án nên đề nghị lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên thị xã Sông Cầu đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận tội các bị cáo P, N, V tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp nhau và phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Ngày 16/12/2016 bị cáo P có hành vì đưa số tiền 1.00.000đ, 01 tịch tờ giấy có ghi các con số và số tiền nhờ bị cáo V đánh đề và bị cáo V là người trực tiếp ghi số đề, sau khi có kết quả sổ số kiến thiết tỉnh Gia Lai bị cáo P trúng đề với số 03 chân "691", số tiền ghi là 30.000 đồng với tỷ lệ thắng thua là 01 trúng 600 lần với số tiền 18.000.000đ, tổng số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc là 18.955.000đ, hành vi của các bị cáo P, V đã đủ yếu tố cầu thành tội " Đánh bạc", bị cáo N là người chủ cái nhận ghi đề nhưng bị cáo chỉ ghi có một người và số tiền dưới 20.000.000đ nên hành vi của bị cáo không đủ yếu tố cấu thành tội " Tổ chức đánh bạc" nhưng với tổng số tiền bị cáo nhận ghi đề và số tiền mà bị cáo phải chung cho người trúng đề là 18.955.000đ nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Do đó quyết định truy tố tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 14/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất, hậu quả, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đối với các bị cáo thấy rằng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự trị an được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương, các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình, biết ghi số lô, số đề và nhận ghi số lô, số đề là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì muốn có tiền mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, các bị cáo đã trực tiếp ghi số lô, số đề và tự ghi và nhận số lô, số đề vào ngày 16/12/2016 với tổng số tiền 18.955.000đ, các bị cáo N, P từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học mà tu đưỡng, rèn luyện bản thân để từ bỏ việc đánh bạc nhưng các bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc, còn bị cáo V trong quá trình đang bị điều tra về tội Đánh bạc nhưng lại có hành vi đánh nhau và bị xử phạt vi phạm hành chính, điều đó cho thấy các bị cáo không biết ăn năn hối cải nên cần phải xử lý nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ mà các bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên sau khi phạm tội các bị cáo thật thà khai báo thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS, bị cáo P có ông nội Nguyễn Minh Đ được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạn nhì, bà nội Phạm Thị M được thủ tướng chính phú tặng kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị bắt tù, đầy, bản thân bị cáo được Công an tỉnh Phú Yên tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống, khắc phục hậu quả cơn bão số 11 năm 2009 và được tặng danh hiệu chiến sĩ tiên tiến, bị cáo V có bà nội Lê Thị C được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì, bản thân bị cáo là lao động chính, bị cáo N có hoàn cảnh

khó khăn đang nuôi con bị bệnh tim nên xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt bằng tiền cũng đủ tác dụng giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này cho xã hội.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS là có căn cứ nên chấp nhận.

Về vật chứng vụ án: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, model A37F màu vàng của Võ Văn Vương; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đỏ đen, model 225 V20.10.11 của Nguyễn Thị N là công cụ mà bị cáo V, N thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với hai thẻ sim thuê bao số 01693377882, thẻ sim thuê bao số 01677882080 không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/09/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu. Đối với số tiền 11.000.000đ mà bị cáo N đã nộp trong đó 1.000.000đ là tiền ghi đề, 10.000.000đ là tiền trúng đề nên tịch thu sung quỹ nhà nước theo biên lai thu tiền số 03843 ngày 18/09/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu. Buộc bị cáo N nộp tiếp số tiền 7.955.000đ đề thu sung quỹ nhà nước. Riêng đối với 01 tờ giấy vở học sinh, 01 tịch đề là chứng cứ vụ án nên lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Ngô Vĩnh P, Nguyễn Thị N và Võ Văn V phạm tội "*Đánh bạc"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 30 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với tất cả các bị cáo P, N, V.

Phạt: Bị cáo Nguyễn Ngô Vĩnh P số tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*. Bị cáo phải nộp một lần số tiền 10.000.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Nsố tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*. Bị cáo phải nộp một lần số tiền 10.000.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Phạt: Bị cáo Võ Văn V 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*. Bị cáo phải nộp một lần số tiền 5.000.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01(một) máy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, model A37F màu vàng; 01 (một) máy điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đỏ đen, model 225 V20.10.11. Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số thuê bao 01693377882, 01 thẻ sim số thuê bao 01677882080 theo biên

bản giao nhận vật chứng ngày 18/09/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 11.000.0000đồng theo biên lai thu tiền số 03843 ngày 18/09/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 tờ giấy vở học sinh (BL số 50), 01 tờ tịch đề trên giấy A4 (BL115).

Buộc bị cáo Nguyễn Thị N nộp số tiền 7.955.000đ (*Bảy triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng)* để sung công quỹ nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Nguyễn Ngô Vĩnh P, Nguyễn Thị N và Võ Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí HSST.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**

- TAND Tỉnh Phú Yên
- VKSND thị xã Sông Cầu
- Công an thị xã Sông Cầu
- Chi cục THADS TX S. Cầu
- Bị cáo
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Toạ phiên Toà

Nguyễn Minh Hoàng